

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/HS-ST

Ngày: 17 – 7 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật

2. Ông Nguyễn Thế Hưng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn C**, sinh ngày 01/01/1982; Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh T3; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn C1 và bà Nguyễn Thị T4.

Tiền án:

Bản án số 11/2015/HSST ngày 24/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2014, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/3/2017, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/6/2015.

Bản án số 62/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2017, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/11/2019, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 10/11/2017.

Bản án số 11/2021/HSST ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2020, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2022, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 28/4/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 31/2006/HSST ngày 20/10/2006 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/02/2007, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 10/01/2007.

Bản án số 40/2007/HSST ngày 18/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/12/2008, chấp hành xong án hình sự sơ thẩm ngày 12/5/2010.

Quyết định số 2730/QĐ-UB ngày 17/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T3 áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục X, tỉnh H trong thời hạn 24 tháng vì nhiều lần trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 17/10/2005.

Quyết định số 852/QĐ-UB ngày 17/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T3 áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục T5, tỉnh V trong thời hạn 24 tháng vì nhiều lần trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 19/5/2013.

Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 04/11/2020 của Công an xã D, huyện T2, tỉnh T3 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, mức phạt 1.500.000 đồng, đã chấp hành xong ngày 05/11/2020.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2023 đến ngày 23/02/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

2. **Bùi Xuân N**, sinh ngày 07/01/1984; Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh T3; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Xuân Q (đã chết) (ông Q được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước) và bà Lê Thị M; có vợ là Đào Thị T6 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: Bản án số 92/2021/HSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2021, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2022, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/11/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 02/2003 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn 02, Sư đoàn 395, Quân khu 3 đến tháng 01/2005 xuất ngũ về địa phương.

Quyết định số 03/2016/QĐ-TA ngày 25/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy và chăm sóc đối tượng xã hội tỉnh T3 trong thời hạn 02 năm, chấp hành xong ngày 27/5/2018.

Quyết định số 02/QĐ-XPHC ngày 04/11/2020 của Công an xã D, huyện T2, tỉnh T3 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, mức phạt 1.000.000 đồng, đã chấp hành xong ngày 05/11/2020.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2023 đến ngày 23/02/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người chứng kiến:*

+ Ông Vũ Thế D1, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Trú tại: Số nhà 01/01, tổ 02, phường L, thành phố T3, tỉnh T3.

+ Ông Nguyễn Dương T7, sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Trú tại: Phố H1, tổ 1, phường L, thành phố T3, tỉnh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 17/02/2023, Bùi Xuân N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, màu xanh, biển kiểm soát 17H1 - 7338 của N đến nhà Lê Văn C chơi. Tại nhà C, qua nói chuyện C biết N mua được ma túy nên C nhờ N mua 02 chỉ Heroine về để bán kiếm lời, N đồng ý và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen có số thuê bao 0971712063 của N gọi đến số thuê bao 0584322108 của một người đàn ông tên M1 ở thành phố T3 nhưng N không biết họ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể hỏi mua 02 chỉ Heroine, M1 đồng ý và bảo giá là 6.000.000 đồng, hẹn N lên thành phố T3 để lấy Heroine. Sau khi gọi điện thoại cho M1 thì N nói lại với C giá mua 02 chỉ Heroine là 6.000.000 đồng, C đồng ý. Sau đó Bùi Xuân N chở Lê Văn C bằng xe mô tô 17H1 - 7338 của N lên khu vực đường L1, thuộc tổ 01, phường L, thành phố T3, tỉnh T3 thì N dừng xe gọi điện thoại cho M1 bảo M1 mang Heroine ra bán. Một lúc sau M1 điều khiển xe mô tô ra gặp N và C, tại đây C đưa cho M1 6.000.000 đồng, M1 đưa lại cho C 02 túi Heroine. C nhận 02 túi Heroine từ M1 rồi cho vào túi quần bên phải phía trước rồi bảo N đi về. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày khi N và C chuẩn bị đi về thì tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của ông Vũ Thế D1 và ông Nguyễn Dương T7, Lê Văn C đã tự giác lấy từ túi quần bên phải phía trước ra

giao nộp cho tổ công tác 02 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục, C khai đó là Heroine do C và N vừa mua được mục đích mang về chia ra để bán kiếm lời, tổ công tác đã tiến hành niêm phong 02 túi ma túy trên vào 01 phong bì, kiểm tra người N tổ công tác thu tại túi quần bên trái 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen, N khai vừa chở C lên thành phố T3 mua ma túy mang về bán kiếm lời, kiểm tra xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, màu xanh, biển kiểm soát 17H1 - 7338 không phát hiện, thu giữ gì. Tổ công tác đã yêu cầu N, C đưa xe mô tô 17H1 - 7338 và mời 02 người chứng kiến về trụ sở Công an phường L, thành phố T3 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và làm các thủ tục khác theo quy định.

Cùng ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn C và Bùi Xuân N tại thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh T3 không phát hiện, thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số 291/KL-KTHS ngày 20/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có khối lượng 6,7438 gam (sáu phẩy bảy nghìn bốn trăm ba mươi tám gam).

Bản Cáo trạng số 119/CT-VKSTPTB ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Bùi Xuân N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn C và Bùi Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn C và bị cáo Bùi Xuân N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn C mức án tù 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ. Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn C từ 07 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

Áp dụng điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Xuân N mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Xuân N từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định số 219/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Trả lại bị cáo Bùi Xuân N 01 xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, màu xanh, biển kiểm soát 17H1 - 7338.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen lắp sim thuê bao số 0971712063 thu giữ của Bùi Xuân N.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn C và Bùi Xuân N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ buộc tội lẫn nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 17/02/2023, tại đường L1, tổ 01, phường L, thành phố T3, tỉnh T3, Lê Văn C và Bùi Xuân N đã có hành vi cùng nhau tàng trữ trái phép 6,7438 gam ma túy, loại Heroine, mục đích để bán kiếm lời.

Bị cáo Lê Văn C có 03 tiền án chưa được xóa án tích, mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do đó hành vi của C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Bùi Xuân N đủ

yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

...

q) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn C và Bùi Xuân N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy là loại chất gây nghiện gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, là nguyên nhân phá hoại hạnh phúc của bao gia đình và còn phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Lê Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Bùi Xuân N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, bị cáo Lê Văn C là người khởi xướng việc đi mua ma túy về để bán kiếm lời, số tiền 6.000.000 đồng dùng mua ma túy là của C, bị cáo Bùi Xuân N biết C hỏi mua ma túy về để bán và đã dùng điện thoại của mình để liên hệ với người bán ma túy để đến mua, dùng xe mô tô của mình để chở Lê Văn C đi mua ma túy nên đồng phạm với bị cáo Lê Văn C với vai trò giúp sức.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Lê Văn C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Xuân N phải chịu tình tiết tăng

nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do Bản án số 92/2021/HSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T3 xử phạt bị cáo Bùi Xuân N 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích.

Bị cáo Lê Văn C và bị cáo Bùi Xuân N thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Bùi Xuân N có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Bùi Xuân N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Bị cáo Lê Văn C và bị cáo Bùi Xuân N bán ma túy với mục đích kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Số ma túy thu giữ còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại bị cáo Bùi Xuân N 01 xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, màu xanh, biển kiểm soát 17H1 - 7338 là tài sản của bị cáo.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen lắp sim thuê bao số 0971712063 đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội.

[9] Về nguồn gốc số ma túy: Các bị cáo khai mua của một người đàn ông tên M1 nhưng không biết họ, tuổi và địa chỉ ở đâu qua số điện thoại liên lạc 0584322108 với giá 6.000.000 đồng tại khu vực đường L1, tổ 01, phường L, thành phố T3, tỉnh T3. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra lệnh thu giữ điện tín. Kết quả chủ thuê bao này là Lê Đào Quốc L2, sinh ngày 25/5/1998, trú tại huyện T8, tỉnh Q1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa có kết quả, nên tiếp tục điều tra khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C và bị cáo Bùi Xuân N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 17/02/2023).

Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân N 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 17/02/2023).

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định số 219/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Trả lại bị cáo Bùi Xuân N 01 xe mô tô nhãn hiệu Lisohaka, màu xanh, biển kiểm soát 17H1 - 7338.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu đen lắp sim thuê bao số 0971712063, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/6/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn C và bị cáo Bùi Xuân N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý